

Số: 3103 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách địa phương năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Theo đề nghị của Sở Tài chính (Văn bản số 3421/STC-QLNS ngày 29/12/2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2022 theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thận



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2103 /QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh)
Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG THU NSNN	17.999.669	27.902.888	155,0	126,7
A	TỔNG THU NSDP	15.192.499	23.077.506	151,9	126,6
I	Thu NSNN trên địa bàn	10.054.000	15.468.662	153,9	124,5
1	Thu nội địa	8.454.000	12.468.662	147,5	118,4
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.600.000	3.000.000	187,5	158,7
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		3.471.339		
III	Trợ cấp NSTW	7.945.669	8.650.257	108,9	
IV	Thu kết dư ngân sách		76.021		
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		200.078		
VI	Tạm thu ngân sách huyện, xã		1.268		
VII	Thu từ các khoản cho vay của NN		1.500		
VIII	Địa phương vay từ nguồn cho vay lại		3.763		
IX	Các khoản ghi thu trên địa bàn		30.000		
B	TỔNG CHI NSDP	15.192.499	23.077.506	152	127
I	Chi cân đối NSDP	15.189.799	22.711.446	150	137
1	Chi đầu tư phát triển	4.650.703	9.232.138	199	151
2	Chi thường xuyên	10.257.705	11.867.001	116	121
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5.000	5.304		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450	1.450		
5	Chi nộp ngân sách cấp trên		200.078		
6	Chi tạo nguồn, chuyển nguồn CCTL		1.405.475		
7	Dự phòng ngân sách	274.941			
II	Chi chương trình mục tiêu quốc gia		333.362		
III	Các khoản ghi chi trên địa bàn		30.000		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	2.700	2.700		
D	CHI TRẢ NỢ GỐC				

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3103 /QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh)



Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.054.000	15.468.662	153,9	124,5
I	Thu nội địa	8.454.000	12.468.662	147,5	118,4
1	Thu từ khu vực DNNN	565.000	505.000	89,4	86,4
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	120.000	130.000	108,3	87,7
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.782.000	2.100.000	117,8	103,2
4	Thuế thu nhập cá nhân	270.000	370.000	137,0	129,0
5	Thuế bảo vệ môi trường	2.200.000	2.920.000	132,7	107,6
6	Lệ phí trước bạ	355.000	420.000	118,3	113,3
7	Thu phí, lệ phí	85.000	91.000	107,1	82,3
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.878.000	5.553.080	192,9	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	21		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15.000	35.000	233,3	197,3
-	Thu tiền sử dụng đất	2.723.000	5.028.000	184,6	136,6
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	140.000	490.000	350,0	213,9
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	59		
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	16.000	21.000	131,3	72,1
10	Thu lợi nhuận còn lại	6.000	11.582	193,0	195,4
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	55.000	85.000	154,5	133,2
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	20.000	62.000	310,0	100,1
13	Thu khác ngân sách	100.000	198.000	198,0	100,5
14	Thu tiền sử dụng khu vực biển	2.000	2.000	100,0	
II	Thu từ dầu thô	-	-		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.600.000	3.000.000	187,5	158,7
IV	Thu viện trợ	-	-		
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	7.246.830	10.841.909	149,6	
1	Từ các khoản thu phân chia	3.149.100	3.886.700		
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	4.097.730	6.955.209		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3103 /QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DT NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	15.192.499	23.077.506	152	127
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	15.189.799	22.711.446	150	137
I	Chi đầu tư phát triển	4.650.703	9.232.138	199	151
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.650.703	9.232.138	199	151
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN hoạt động công ích				
II	Chi thường xuyên	10.257.705	11.867.001	116	121
	<i>Tỷ trọng</i>	<i>67,5</i>	<i>52,3</i>		
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	4.250.120	4.363.542	103	133
2	Chi sự nghiệp y tế, DS KHH GD	846.646	1.167.995	138	143
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	33.916	34.843	103	127
4	Chi sự nghiệp văn hóa TT.TT & DL	158.891	174.042	110	115
5	Chi SN phát thanh truyền hình	54.814	60.033	110	106
6	Chi đảm bảo xã hội	1.342.746	1.896.044	141	179
7	Chi sự nghiệp kinh tế	1.054.384	1.101.006	104	118
8	Chi sự nghiệp Tài nguyên và môi trường	437.862	684.355	156	354
9	Chi quản lý hành chính	1.689.194	1.939.853	115	112
10	Chi trợ giá	15.500	15.500	100	115
11	Chi khác ngân sách	80.746	101.096	125	214
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5.000	5.304		
IV	Dự phòng ngân sách	274.941			
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450	1.450		
VI	Chi nộp ngân sách cấp trên		200.078		
VII	Chi tạo nguồn, chuyển nguồn CCTL		1.405.475		
B	BỘI THU NSDP	2.700	2.700		
C	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		333.362		
D	CÁC KHOẢN GHI CHI TRÊN ĐỊA BÀN		30.000		

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH



THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3103 /QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh)

1. Về thu ngân sách

Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP): Ước cả năm thực hiện 23.077,5 tỷ đồng, đạt 151,9% dự toán, bằng 126,6% so với cùng kỳ (do thu chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 ngoài dự toán là 3.471,3 tỷ đồng). Trong đó:

* *Thu nội địa*: Ước cả năm thực hiện 12.468,6 tỷ đồng, đạt 147,5% dự toán, chiếm tỷ trọng 54% tổng thu NSDP, cụ thể:

- Thu nội địa được hưởng (loại trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, ghi thu ghi chi, đền bù GPMB, thu bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước): Ước cả năm thực hiện 5.392,9 tỷ đồng, đạt 121,2% dự toán.

- Thu tiền sử dụng đất: Ước cả năm thực hiện 5.028 tỷ đồng, tăng 84,6% với số tăng thu 2.305 tỷ đồng so dự toán.

* *Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau*: Ước cả năm thực hiện 3.471,3 tỷ đồng; trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 2.255,1 tỷ đồng.

* *Thu thuế xuất, nhập khẩu*: Ước cả năm thực hiện 3.000 tỷ đồng, đạt 187,5% dự toán, bằng 158,7% so với cùng kỳ năm 2021.

* *Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương*: Ước cả năm thực hiện 8.650,2 tỷ đồng, bằng 108,9% dự toán.

2. Về chi ngân sách

Tổng chi NSDP ước cả năm thực hiện 23.077,5 tỷ đồng, đạt 152% dự toán; cụ thể:

* *Chi đầu tư phát triển*: Ước cả năm thực hiện 9.232,1 tỷ đồng, đạt 199% dự toán.

* *Chi tiêu dùng thường xuyên*: Ước cả năm thực hiện 11.867 tỷ đồng, đạt 116% dự toán; trong đó:

Chi sự nghiệp khoa học công nghệ ước thực hiện 34,8 tỷ đồng, đạt 103% dự toán, bằng 127% so với cùng kỳ năm 2021; chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 4.363,5 tỷ đồng, đạt 103% dự toán, bằng 133% so với cùng kỳ năm 2021; chi sự nghiệp văn hoá thể thao du lịch ước thực hiện 174 tỷ đồng, đạt 110% dự toán, bằng 115% so với cùng kỳ năm 2021; sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình ước thực hiện 1.167,9 tỷ đồng, đạt 138% dự toán, bằng 143% so với cùng kỳ năm 2021; chi đảm bảo xã hội ước thực hiện 1.896 tỷ đồng, đạt 141% dự toán, bằng 179% so với cùng kỳ năm 2021; chi quản lý hành chính ước thực hiện 1.939,8 tỷ đồng, đạt 115% dự toán, bằng 112% so với cùng kỳ năm 2021./.